

**TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 12
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 191/2021/DS-ST

Ngày: 28/5/2021

V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 12, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trương Minh Ký.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Quân.

Ông Võ Văn Tốt.

- Thư ký phiên tòa: Ông Đỗ Phú Tuấn.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh
tham gia phiên tòa:** Bà Võ Thị Kiều - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 21 và 28 tháng 5 năm 2021, tại Trụ sở Tòa án nhân dân Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 674/2020/TLST-DS ngày 21 tháng 12 năm 2020 về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 260/2021/QĐXXST-DS ngày 27 tháng 4 năm 2021, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Phan Thị N, sinh năm: 1984 – có mặt.

Địa chỉ: 971 Phạm Văn Bạch, Phường 12, quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh.

2. Bị đơn: Bà Khuru Thị Phương T, sinh năm: 1978.

Địa chỉ: A90, khu phố 2, phường Đông Hưng Thuận, Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp của bị đơn: Bà Nguyễn Thị Anh Thư, sinh năm: 1995 – có mặt.

Địa chỉ: 1B, đường Trương Quốc Dung, Phường 8, quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh.

(Văn bản ủy quyền số công chứng 013867, quyền số 11 TP/CC-SCC/HĐGD lập ngày 02/11/2020 tại Văn phòng Công chứng Dương Đức Hiếu).

Người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của bị đơn: Luật sư Nguyễn Thái Nguyên, thuộc Văn phòng Luật sư Nguyễn Thái Nguyên – Đoàn Luật sư Thành phố Hồ Chí Minh – có mặt.

Địa chỉ: 1B, đường Trương Quốc Dung, Phường 8, quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, đơn khởi kiện bổ sung, đơn sửa đổi đơn khởi kiện và bản tự khai, nguyên đơn bà Phan Thị N trình bày:

Ngày 18/9/2019, bà có chuyển khoản cho bà Khưu Thị Phương T vay số tiền 400.000.000 (bốn trăm triệu) đồng.

Ngày 07/10/2019, bà tiếp tục cho bà T vay số tiền là 300.000.000 (ba trăm triệu) đồng.

Ngày 15/10/2019, bà tiếp tục cho bà T vay số tiền là 300.000.000 (ba trăm triệu) đồng.

Ngày 16/11/2019 bà cho bà T vay số tiền 635.000.000 (sáu trăm ba mươi năm triệu) đồng.

Ngày 18/11/2019 bà T tiếp tục vay bà số tiền 615.000.000 (sáu trăm mười lăm triệu) đồng.

Ngày 05/11/2019 bà T vay tiếp số tiền 245.000.000 (hai trăm bốn mươi lăm triệu) đồng.

Tổng số tiền bà đã cho bà T vay là 2.495.000.000 (hai tỷ bốn trăm chín mươi lăm triệu) đồng. Việc vay tiền chỉ có thời hạn cho vay và không có tính lãi. Bà T đã T toán cho bà số tiền là 150.000.000 (một trăm năm mươi triệu) đồng. Các giấy vay tiền này đều do bà T tự tay viết. Việc các giấy vay tiền có sửa chữa, ghi ngày tháng năm không rõ ràng là do bà T ghi, bà không để ý nên bà T cho rằng các giấy vay tiền không rõ ràng nên không trả nợ cho bà là không đúng.

Ny bà yêu cầu Tòa án buộc bà T trả lại số tiền đã vay là 2.345.000.000 (hai tỷ ba trăm bốn mươi lăm triệu) đồng.

Tại bản tự khai, biên bản về kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, bị đơn bà Khưu Thị Phương T, có bà Nguyễn Thị Anh Thu

là đại diện theo ủy quyền và Luật sư Nguyễn Thái Nguyên là người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị đơn trình bày: Bị đơn không đồng ý với một phần yêu cầu khởi kiện của bà Phan Thị N. Đối với số tiền 300.000.000 (ba trăm triệu) đồng theo giấy vay tiền ngày 07/10/2019 và 400.000.000 (bốn trăm triệu) đồng ngày 18/9/2019, bà T xác nhận là có vay của bà N, đồng thời bà đã T toán được số tiền 150.000.000 (một trăm năm mươi triệu) đồng cho bà N. Do đó bà T chỉ còn nợ bà N số tiền 550.000.000 (năm trăm năm mươi triệu) đồng. Đối với 04 giấy vay tiền còn lại không khớp với yêu cầu khởi kiện của bà N nên không được coi là chứng cứ hợp pháp nên bà không có nghĩa vụ phải T toán số tiền này.

Tại phiên tòa sơ thẩm

Nguyên đơn trình bày: Yêu cầu Tòa án buộc bà T phải trả số tiền vay là 2.345.000.000 (hai tỷ ba trăm bốn mươi lăm triệu) đồng cho bà.

Người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp cho bị đơn và đại diện theo ủy quyền của bị đơn trình bày: Bị đơn xác nhận có vay của nguyên đơn số tiền 300.000.000 (ba trăm triệu) đồng ngày 07/10/2019 và 400.000.000 (bốn trăm triệu) đồng ngày 18/9/2019 và đã trả được 150.000.000 (một trăm năm mươi triệu) đồng nên chỉ còn nợ 550.000.000 (năm trăm năm mươi triệu) đồng. Số tiền còn lại bị đơn không đồng ý, cụ thể như sau:

Giấy vay 300.000.000 (ba trăm triệu) đồng không xác định được ngày vay là ngày 15 hay ngày 17/10/2019; Giấy vay tiền ngày 16/11/2019 trong đơn khởi kiện ghi 615.000.000 (sáu trăm mười lăm triệu) đồng nhưng nguyên đơn yêu cầu 635.000.000 (sáu trăm ba mươi lăm triệu) đồng là vượt quá phạm vi yêu cầu khởi kiện và không xác định được năm cho vay là 2016 hay 2019; Giấy vay tiền 615.000.000 (sáu trăm mười lăm triệu) đồng ngày 18/11/2019 không xác định rõ ngày vay, ngày trả và bà N khai rút tại ngân hàng VP Bank để đưa cho bà T nhưng bà N không có gì chứng minh; Giấy vay tiền 245.000.000 (hai trăm bốn mươi lăm triệu) đồng không khớp do bà N ghi trong đơn khởi kiện là 25/11/2019 nhưng giấy vay ghi 05/11/2019. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử tạm ngừng phiên tòa cho bà N bổ sung thủ tục khởi kiện đối với số tiền 20.000.000 (hai mươi triệu) đồng chưa yêu cầu và bổ sung chứng cứ xác định bà N rút tiền tại ngân hàng VP Bank để giao cho bà T.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa có ý kiến như sau:

Về thủ tục tố tụng: Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án đã thực hiện đầy đủ các thủ tục và tuân theo đúng các quy định tại Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Tuy nhiên, vụ án thụ lý từ ngày 21/12/2020 nhưng đến ngày 27/4/2021 Tòa án mới có Quyết định đưa vụ án ra xét xử là có vi phạm về thời hạn chuẩn bị xét xử.

Việc tuân theo pháp luật tố tụng của người tham gia tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án: Nguyên đơn, bị đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn phải trả số tiền còn nợ là 2.345.000.000 (hai tỷ ba trăm bốn mươi lăm triệu) đồng cho nguyên đơn ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án:

Bà Phan Thị N khởi kiện tranh chấp yêu cầu bà Khuru Thị Phương T trả khoản tiền đã vay. Đây là quan hệ pháp luật tranh chấp về hợp đồng vay tài sản theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự.

Bị đơn cư trú tại Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh nên căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh.

[2] Về chứng cứ:

Tại Khoản 1 Điều 91 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 quy định: “Đương sự có yêu cầu Tòa án bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình phải thu thập, cung cấp, giao nộp cho Tòa án tài liệu, chứng cứ để chứng minh cho yêu cầu đó là có căn cứ và hợp pháp”.

Tại khoản 4 Điều 91 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 quy định: “Đương sự có nghĩa vụ đưa ra chứng cứ để chứng minh mà không đưa ra được

chứng cứ hoặc không đưa ra đủ chứng cứ thì Tòa án giải quyết vụ việc dân sự theo những chứng cứ đã thu thập được có trong hồ sơ vụ việc”.

Do đó, Tòa án giải quyết vụ kiện theo những chứng cứ đã thu thập được có trong hồ sơ vụ án.

[3] Về những tình tiết không phải chứng minh:

Quá trình giải quyết vụ án, người đại diện theo ủy quyền và người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp cho bị đơn thừa nhận bị đơn có vay số tiền 300.000.000 đồng ngày 07/10/2019 và 400.000.000 đồng ngày 18/9/2019. Sự thừa nhận này không vượt quá phạm vi theo ủy quyền của bị đơn; Đồng thời các đương sự đều xác nhận bị đơn đã trả nợ được 150.000.000 đồng. Vì vậy, căn cứ theo Điều 92 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, đây là những tình tiết không phải chứng minh.

[4] Về nội dung tranh chấp:

- Về tính hợp pháp của các giấy vay tiền: Phía bị đơn thừa nhận chữ viết trên tất cả các giấy vay tiền đều do chính tay bị đơn viết nhưng cho rằng những giấy vay tiền này không khớp với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn nên không chấp nhận.

Hội đồng xét xử xét thấy:

+ Đối với giấy vay tiền 300.000.000 (ba trăm triệu) đồng bị đơn cho rằng không xác định được ngày vay là ngày 15 hay ngày 17/10/2019 bởi trong đơn kiện nguyên đơn ghi ngày 17/10/2019 là không có căn cứ. Nguyên đơn xác định ghi không chính xác do khi làm đơn khởi kiện đã nhớ nhầm nhưng trong quá trình hòa giải, xét xử, nguyên đơn đã xác định lại là ngày 15. Tại giấy vay thể hiện bị đơn có ghi ngày 07/10/2019 tại dòng thứ 11 từ trên xuống và tại dòng thứ 03 từ dưới lên có ghi ngày của tháng 10 năm 2019 nhưng ngày bị sửa. Nguyên đơn xác định ngày cho vay chính xác là ngày 15, việc bị đơn sửa ngày trong giấy vay nguyên đơn không đề ý. Đồng thời, nội dung trong giấy vay thể hiện bị đơn có nhận của nguyên đơn số tiền 300.000.000 (ba trăm triệu) đồng, thời hạn trả là 03 tháng và bị đơn không có gì chứng minh không nhận số tiền này. Vì vậy, Hội đồng xét xử chấp nhận ngày trong giấy vay tiền này là ngày 15/10/2019.

+ Đối với giấy vay tiền 635.000.000 (sáu trăm ba mươi lăm triệu) đồng bị đơn cho rằng không xác định được năm vay là không có căn cứ bởi lẽ tại dòng thứ 08 và 13 từ trên xuống bị đơn đều ghi là ngày 16/11/2019 và trước khi ký

tên xác nhận bị đơn có ghi ngày 16 tháng 11 năm 201 (số cuối ghi không rõ) nên Hội đồng xét xử xác định năm vay thực là năm 2019. Bị đơn cho rằng việc vay và trả tiền trong cùng ngày là không phù hợp nhưng không có chứng cứ gì chứng minh bị đơn không nhận số tiền này của nguyên đơn.

+ Đối với giấy vay tiền 615.000.000 (sáu trăm mười lăm triệu) đồng bị đơn cho rằng ngày trong giấy vay bị sửa chữa ngày nên không chấp nhận là không có căn cứ vì tại dòng thứ 3 từ dưới lên bị đơn ký tên xác nhận là ngày 18/11/2019. Tại dòng thứ 07 và 10 từ trên xuống đều xác định được số đầu tiên của ngày là số “1 của tháng 11/2019”, số kế tiếp không rõ nhưng bị đơn cam đoan sẽ trả vào tháng 12/2019 (ngày bị sửa) nên có đủ cơ sở xác định ngày vay là ngày 18/11/2019 và bị đơn không có gì chứng minh không nhận số tiền này.

+ Đối với giấy vay tiền 245.000.000 (hai trăm bốn mươi lăm triệu) đồng bị đơn cho rằng không đúng vì nguyên đơn ghi trong đơn kiện là ngày 25/11/2019 trong khi giấy vay là ngày 05/11/2019 nên không chấp nhận là không có cơ sở. Quá trình tố tụng, nguyên đơn đã xác định ngày 05/11/2019 là ngày cho vay và trong giấy vay tại dòng thứ 6 và 13 từ trên xuống bị đơn ghi ngày vay là 05/11/2019, thời hạn trả là 01 tháng và bị đơn cũng không có gì chứng minh không nhận số tiền này.

Từ những căn cứ trên xác định, các đương sự giao kết các hợp đồng trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện. Căn cứ theo quy định tại các điều 117, 118, 119 và 463 của Bộ luật dân sự năm 2015, hợp đồng vay tài sản nêu trên là hợp pháp, phù hợp về hình thức và nội dung, làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa các bên theo nội dung các thỏa thuận.

Việc vay mượn tiền giữa các đương sự là có thực, thuộc trường hợp vay có kỳ hạn và không có lãi theo quy định tại Khoản 1 Điều 470 của Bộ luật dân sự năm 2015.

- Về ý kiến đề nghị Hội đồng xét xử tạm ngừng phiên tòa để nguyên đơn bổ sung thủ tục khởi kiện đối với số tiền trong đơn khởi kiện ghi thiếu 20.000.000 (hai mươi triệu) đồng và để nguyên đơn bổ sung chứng cứ xác định rút tiền tại ngân hàng ngày 18/11/2019 để đưa cho bị đơn vay của người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp cho bị đơn: Tại đơn khởi kiện, nguyên đơn ghi số tiền của ngày 16/11/2019 là 615.000.000 (sáu trăm mười lăm triệu) đồng nhưng khi tính tổng số tiền yêu cầu Tòa án buộc bị đơn phải trả khớp với giấy vay tiền

ngày 07/10/2019, 15/10/2019, 16/11/2019, 18/11/2019 và 05/11/2019 là 2.095.000.000 (hai tỷ không trăm chín mươi lăm triệu) đồng. Tòa án đã tính tạm ứng án phí cho nguyên đơn trên số tiền yêu cầu là 2.095.000.000 (hai tỷ không trăm chín mươi lăm triệu) đồng. Nguyên đơn xác định ghi nhầm số tiền này và đã xác định lại chính xác, phù hợp với các chứng cứ nguyên đơn đã nộp cho Tòa án khi thực hiện thủ tục khởi kiện nên Hội đồng xét xử xác định không giải quyết vụ án vượt quá phạm vi yêu cầu khởi kiện ban đầu của đương sự. Luật sư của phía bị đơn yêu cầu Hội đồng xét xử tạm ngừng phiên tòa để nguyên đơn bổ sung chứng từ chứng minh nguyên đơn đã rút tiền từ ngân hàng để giao cho bị đơn vay là không có căn cứ vì phía bị đơn không có gì chứng minh không nhận số tiền ngày 18/11/2019 và việc chứng minh nguồn gốc tiền rút ra để cho vay không phải là căn cứ xác định bị đơn không vay tiền của nguyên đơn. Do đó, yêu cầu tạm ngừng phiên tòa của phía bị đơn không có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

- Về số tiền nợ còn lại:

Tại Khoản 1 Điều 466 của Bộ luật dân sự năm 2015 quy định: “Bên vay tài sản là tiền thì phải trả đủ tiền khi đến hạn”. Bị đơn không có chứng cứ nào khác chứng minh không nợ nguyên đơn số tiền còn lại là 2.345.000.000 (hai tỷ ba trăm bốn mươi lăm triệu) đồng.

Do đó, bị đơn đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ nên nguyên đơn yêu cầu bị đơn có trách nhiệm trả số tiền gốc trên là phù hợp với quy định tại Điều 470 của Bộ luật Dân sự năm 2015 nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm: Nguyên đơn không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm; Bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 78.900.000 (bảy mươi tám triệu chín trăm nghìn) đồng theo quy định tại Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[6] Ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh phù hợp với quy định của pháp luật nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào các điều 117, 118, 119, 275, 280, 463, 466, 468 và 470 Bộ luật dân sự năm 2015;

Căn cứ Khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ Luật Thi hành án dân sự năm 2008, sửa đổi, bổ sung năm 2014.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Phan Thị N.

1. Buộc bà Khuru Thị Phương T phải T toán cho bà Phan Thị N số tiền là: 2.345.000.000 (hai tỷ ba trăm bốn mươi lăm triệu) đồng, ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Về án phí: Bà Khuru Thị Phương T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 78.900.000 (bảy mươi tám triệu chín trăm nghìn) đồng.

Hoàn trả lại cho bà Phan Thị N số tiền tạm ứng án phí là 36.950.000 (ba mươi sáu triệu chín trăm năm mươi nghìn) đồng, theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2019/0027447 ngày 23 tháng 10 năm 2020 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh và 10.000.000 (mười triệu) đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2019/0106260 ngày 16 tháng 3 năm 2021 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh.

3. Quyền yêu cầu thi hành án, nghĩa vụ thi hành án, thời hiệu thi hành án:

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi

hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

4. Quyền kháng cáo:

Các đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND Quận 12
- Chi cục THADS Quận 12;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Trương Minh Ký